TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 287/2019/HS-PT
Ngày: 01-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các thẩm phán: Ông Lê Khắc Thịnh

Ông Bùi Văn Phương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Trãi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa*:**

Bà Nguyễn Kim Hóa- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 10 và ngày 01 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 211/2019/TLPT-HS ngày 27 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo: C, A, K, T.

Do có kháng cáo của các bị cáo C, A, K, T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 19/2019/HS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

1. C, sinh năm: 1995, tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông H, sinh năm 1938 và bà M, sinh năm 1952; vợ G (đã ly hôn) và 02 người con; anh, chị, em ruột: Có 10 người, bị cáo là con thứ mười; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ ngày 27/12/2018; Tạm giam từ ngày 05/01/2019 cho đến nay. Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. A, sinh năm: 1995, tại Đồng Tháp; Tên gọi khác: Muối; Nơi cư trú: ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông T, sinh năm

1967 và bà Đ, sinh năm 1965; anh, chị, em ruột: Có 03 người, bị cáo là con thứ ba; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ ngày 27/12/2018; Tạm giam từ ngày 05/01/2019 cho đến nay. Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo A: Luật sư K1 - Văn phòng luật sư K1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

3. K, sinh năm: 1993, tại Đồng Tháp; Tên gọi khác: S; Nơi cư trú: ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Sửa xe; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A, sinh năm 1967 và bà K3, sinh năm 1965; anh, chị, em ruột: có 03 người, bị cáo là con thứ ba; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ: Từ ngày 27/12/2018 đến ngày 05/01/2019; Tạm giam: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

4. T, sinh năm: 1993, tại Đồng Tháp; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Dán keo xe; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông S, sinh năm 1960 và bà T, sinh năm 1962; vợ: L, sinh năm 1989 và có 02 người con, con lớn 09 tuổi, con nhỏ 04 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ: Không; Tạm giam: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bị hại không kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

C xem trên mạng chuyên mục chuyện cảnh giác thấy có thủ đoạn tạo nick zalo để dụ bị hại đến chỗ vắng lấy tài sản nên C đã tạo nick zalo "Ngọc Bị Ế" và lấy hình người nữ trên mạng làm hình nền. Đến ngày 18/12/2018, C nói với A là "Tao có tạo nick Zalo tên Ngọc Bị Ế và đăng hình người nữ tải trên mạng về làm hình nền để kết bạn với mấy thằng có xe rồi dụ nó qua khu vực vắng đánh nó để lấy xe bán lấy tiền xài", nghe C nói xong A đồng ý ngay, C hỏi A biết chỗ nào vắng không, thì A chỉ trong đường nhà máy cháy thuộc ấp L, xã L, huyện L. Đến 17 giờ, ngày 19/12/2018, C chở A đi vào đường nhà máy cháy để dò đường, C và A chạy từ đầu đường 30/4 vào khoảng 1000m thì thấy có đoạn đường vắng, nhiều đám cỏ voi cao ven đường, C và A thống nhất chọn đoạn

đường này làm địa điểm để cướp tài sản. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày C kết bạn Zalo với Nguyễn Văn T1 và nhắn tin làm quen, quá trình nhắn tin với T1 thì C biết được T1 có xe Exciter màu xanh nên nảy sinh ý định lừa T1 qua rướt đi chơi để cướp xe. Để làm cho T1 tin tưởng, C nhờ bạn gái là Huỳnh Thị Cẩm T2 nói chuyện để C gởi tin nhắn thoại cho T1 nghe (C dùng điện thoại OPPO màu trắng của C để đưa T2 ghi âm thoại nói chuyện). Khi C nhờ thì T2 không chịu nhưng C nói là bạn C nhờ T2 nói để chọc bạn chơi, T2 nói "chọc người ta lỡ người ta biết được chửi chết", thì C nói là "bạn anh mà nó chửi thì đánh nó lấy xe nó luôn chớ chửi gì". C đã nhờ T2 nói chuyện tin nhắn thoại Zalo với T1 01 đoạn 07 giây nội dung "Em bận, có gì em điện thoại cho". Sau đó, C nhắn tin rủ T1 qua rướt đi chơi thì T1 đồng ý. Đến 17 giờ ngày 20/12/2018, A đem theo bình xịt hơi cay và dao bấm, C lấy xe Wave 50 màu xanh biển số XXXX (xe của chị C tên Nguyễn Thị Mộng C1, chị C1 để xe ở nhà đi nuôi mẹ bệnh nên C lấy xe đi chị C1 không biết) chở A đến đoạn đường vắng, nơi có nhiều đám cỏ voi cao ven đường, thuộc ấp L, xã L. Tại đây, C và A bẻ một khúc gỗ bạch đàn, C và A bàn với nhau về nơi ẩn nấp và cách thức đánh cướp xe, rồi C nhắn tin chỉ đường cho T1 qua, nhưng do không biết đường T1 đã chạy đến địa phận xã H. Do đó, C đã điện thoại về cho T2 nhờ T2 điện cho T1 dùm, nói là "sao không trả lời tin nhắn" C còn dặn T2 "nếu T1 có điện lại thì nói là quay lại đến cầu thì nhắn tin". Khi T1 quay lại chạy vào khu vực C và A phục sẵn thì T1 chạy qua khỏi chổ C và A đang ẩn nấp, nên C nhắn tin cho T1 quay lại rồi C nấp vào đám cỏ voi còn A thì dẫn xe ngược chiều với T1, khi T1 đến C từ trong đám cỏ voi nhảy ra dùng cây đánh vào đầu và vai T1 ngã xuống xe, C đè lên T1 và chéo hai tay T1 về sau lưng, A cầm bình xịt hơi cay xịt vào mặt T1 và cầm dao đi cắt dây trói T1 lại. Lúc này, có anh Đặng Quang T3 nhà gần đó phát hiện nên lấy đèn pin rọi lại thì C nói "hôm qua mầy đánh em tao giờ tao đánh mày lại" nhằm đánh lạc hướng anh T3 để anh không can thiệp, rồi A lấy xe Exciter chạy về hướng đường huyện lộ 30/4, C thì chạy xe Wave về hướng khu dân cư ấp L, xã L.

Sau khi cướp xe, C điện thoại cho K kêu bán xe và nói là xe mới đá được, K hiểu là xe do C trộm mà có, K kêu C đem xe xuống cho K xem và hẹn gặp nhau ở cầu Bông Súng, C chạy xe đến cầu Chữ Y thì gặp K. Lúc này, K tháo cọc bình xe ra vì K sợ có gắn định vị, rồi đẩy xe C về nhà K. Sau khi nhận xe từ C, K đã đem xe ra sau nhà hoang cất giấu. Sáng ngày 21/12/2018, K tháo biển số xe 66C1-XXXX ra, đem xe về nhà đập biển số xe biến dạng rồi ném xuống mương trước tiệm. C điện thoại cho K nói bán giá 12.000.000 đồng thì K đồng ý mua. Lúc này, K điện thoại cho T nói có chiếc Exciter đời 2018 hỏi T mua không, T kêu K lên uống cà phê rồi tính. K và T uống cà phê ở xã Đ, K nói với T xe trắng kêu bán giá 15.000.000 đồng, T trả giá 14.000.000 đồng và K đồng ý bán. T kêu K đem xe xuống cho T xem, K về nhà chạy xe xuống nhà T cho T xem, T hỏi

“biển số đâu”, K về nhà lấy biển số 66P1-381.00 đưa cho T. Lúc này, T biết là xe do phạm tội mà có. Đến chiều cùng ngày T trả cho K 4.000.000 đồng, K đưa cho C 4.000.000 đồng, rồi C đưa cho A 1.000.000 đồng. Đến ngày 22/12/2018, T tiếp tục trả cho K 9.500.000 đồng (K bớt cho T 500.000 đồng). K tiếp tục trả cho C 7.500.000 đồng và kêu C bớt 500.000 đồng thì C đồng ý. Sau khi mua xe của K thì T đăng lên mạng Facebook rao bán. T bán cho người có nick name “H” ở Cần Thơ giá 16.300.000 đồng. Đến ngày 28/12/2018, khi Công an mời làm việc thì T chuộc lại xe và giao nộp cho Cơ quan Công an.

Quá trình điều tra C và A khai nhận ngoài vụ “Cướp tài sản” trên thì C và A còn thực hiện hành vi trộm 01 xe mô tô; Riêng C thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như sau:

- Vào ngày 15/12/2018, C rủ A đi kiếm xe mô tô để trộm, C sử dụng xe Wave 50, màu xanh biển số 66BA-000.92 chở A đi trên đường huyện Lộ số 5 từ L về T, đến huyện lộ số 2 thì chạy về hướng Đ, khi đến cầu Chữ Y thì rẽ về đường B để về huyện lộ số 5, khi đi trên đường B đến đoạn đường vắng thuộc ấp T, xã T, huyện L, C và A nhìn thấy 01 xe mô tô loại Wave màu đỏ biển số 66L4-XXXX của anh Nguyễn Thanh H đậu cặp lộ không có người trong coi nên A xuống xe dẫn đi 01 đoạn thì dừng lại, C và A tháo mặt nạ xe ra, C bứt dây để A chạy về. C kêu A chạy về nhà anh ruột C tên Nguyễn Văn A1 ở khu dân cư ấp L, xã L gửi, A nói với anh A1 xe do C mua, sau đó C đến lấy đem đi sửa lại, C thay đổi màu xe thành màu xanh và mượn K biển số 66L1-XXXX gắn vào xe để sử dụng còn phần áo xe màu đỏ và biển số 66L4-XXXX C đã bỏ. Ngày 27/12/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện L đã thu giữ của C chiếc xe wave màu xanh biển số 66L1-XXXX.

- Vào tháng 10/2018, C có lên mạng Zalo mua hàng online của chị Phạm Thị Hồng T4 01 hợp giấy hình trái tim đựng hoa hồng sáp rồi kết bạn làm quen. Thời gian này chị T4 có bán hàng cho người tên N nhưng chưa nhận được tiền, nên T4 có kể cho C nghe thì C nói “có biết N để C lấy dùm cho”. Đến ngày 10/11/2018, do C thiếu nợ và không có tiền tiêu xài nên nẩy sinh ý định lừa chị T4 để lấy điện thoại (do quen biết trước, C biết rõ chị T4 xài điện thoại hiệu Samsung $A8^{+}$ trị giá hơn 10.000.000 đồng). C đã điện thoại cho chị T4 nói dối là có gặp N và 01 thằng đệ của C vào nhà trọ P, C kêu T4 ra quán NT trước cổng nhà trọ P uống nước đợi N ra lấy tiền. T4 và C uống khoảng 60 phút, thì C nói đợi lâu quá mà điện thoại hết pin nên kêu T4 đưa điện thoại cho C mượn điện, T4 đưa điện thoại cho C thì C điện nhưng không ai bắt máy nên C nói để đi

vào nhà trọ điện nếu phòng nào đổ chuông thì kêu cửa, C giả vờ cầm điện thoại đi vào hướng nhà trọ P nhưng C không đi vào nhà trọ mà đi ra đường Tuyến dân cư Khóm 2, thị trấn L rồi lấy xe tẩu thoát. C đem điện thoại của chị T4 bán cho người đàn ông lạ mặt tình cờ gặp trên đường giá 1.800.000 đồng và lấy tiền ăn uống hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 185/KL-ĐGTS ngày 03/01/2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L kết luận: Giá trị thành tiền của xe mô tô 66C1-XXXX là 46.075.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 12/TgT ngày 17/01/2019, của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Đồng Tháp kết luận: Tỷ lệ tổn thương trên cơ thể của Nguyễn Văn T1 do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 01%. Vết thương do vật tầy gây ra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 21/KL-ĐGTS ngày 15/02/2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L kết luận: Giá trị thành tiền của xe mô tô 66L4-XXXX là 2.975.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 33/KL-ĐGTS ngày 22/03/2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L kết luận: Giá trị thành tiền của điện thoại Samsung A8+ là 11.682.340 đồng

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2019/HS-ST ngày 19/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện L đã xử:

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 55 và Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo C phạm các tội "Cướp tài sản", "Trộm cắp tài sản" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Xử phạt bị cáo C - 09 (chín) năm tù về tội "Cướp tài sản"; 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và 01 (một) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt của 03 tội mà bị cáo C phải chấp hành là 10 (mười) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 27/12/2018.

2. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 55 và Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo A phạm các tội "Cướp tài sản" và "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo A - 07 (bảy) năm tù về tội "Cướp tài sản" và 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt của 02 tội mà bị cáo A phải chấp hành là 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 27/12/2018.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo K phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Xử phạt bị cáo K 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 27/12/2018 đến ngày 05/01/2019.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo T phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Xử phạt bị cáo T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22/7/2019 bị cáo C và A có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 25/7/2019 bị cáo K có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 17/8/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp có Quyết định kháng nghị số 17/QĐ-VKS-P7 ngày 17/8/2019, đề nghị sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo C và bị cáo A đối với tội "Cướp tài sản" do Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng điểm r (tự thú), khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu: Các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, do đó Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với các bị cáo về các tội như đã nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, đối với bị cáo C và bị cáo A trong quá trình điều tra, hai bị cáo còn tự khai ra trước đó có thực hiện 01 lần trộm cắp tài sản, bị cáo C 01 lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội tự thú quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là thiếu sót nên cần xem xét giảm nhẹ cho các bị C và A từ 01 đến 03 tháng tù đối với tội cướp tài sản. Đối với yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo K, Tòa án cấp sơ thẩm đã

xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, giai đoạn phúc thẩm bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ gì mới, do đó đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo K. Đối với yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo T, tại giai đoạn phúc thẩm người bị hại Nguyễn Văn T1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo T cung cấp giấy chứng nhận hộ cận nghèo và đơn xác nhận bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình, xét thấy bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo được quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo T.

Bị cáo C không trình bày tranh luận, thống nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo A, luật sư K trình bày: Thống nhất với đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự do bị cáo tự thú. Đồng thời người bị hại Nguyễn Thanh H có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo A. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo A.

Bị cáo A không tranh luận gì thêm.

Bị cáo K trình bày: Bị cáo thuộc diện gia đình khó khăn, cha mẹ bị cáo hay đau ốm, nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo T không tranh luận, thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát xin được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, đề nghị của luật sư bào chữa, lời khai bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các bị cáo C, A, K và T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo như sau: Bằng thủ đoạn nhắn tin làm quen qua mạng xã hội lừa người bị hại đến khu vực vắng người để cướp tài sản. Bị cáo C đã tạo nick zalo "Ngọc bị ế" rồi cùng với A nhắn tin làm quen hẹn bị hại Nguyễn Văn T1 đến đoạn đường vắng thuộc ấp Long

Định, xã Long Thắng, huyện L rồi dùng cây đánh, dùng bình xịt hơi cay xịt vào mặt và dùng dây trói bị hại Nguyễn Văn T1 để cướp xe Exciter biển số 66C1-417.7 trị giá 46.075.000 đồng. Sau khi cướp được xe của anh T1, Bị cáo C bán cho bị cáo K với giá 11.500.000 đồng, bị cáo K bán lại cho bị cáo T với giá 13.500.000 đồng. Bị cáo T bán cho người khác có nick name "Hoàng Lạnh" ở Cần Thơ với giá 16.300.000 đồng. Đến ngày 28/12/2018, khi Công an mời làm việc thì T chuộc lại xe và giao nộp cho Cơ quan Công an. Khi K mua xe của C và T mua xe của K thì K và T đều biết đây là tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đồng thời ngày 15/12/2018 bị cáo C và A có hành vi lén lúc lấy trộm xe mô tô loại Wave màu đỏ biển số 66L4-3537 trị giá 2.975.000 đồng của Nguyễn Thanh H và ngày 10/11/2018 bị cáo C có hành vi đã lừa đảo chiếm đoạt điện thoại SamSung A8+ trị giá 11.682.340 đồng của chị Phạm Thị Hồng T4.

Hành vi nêu trên của bị cáo C đã vi phạm về tội "Cướp tài sản", "Trộm cắp tài sản" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; Bị cáo A đã vi phạm về tội "Cướp tài sản" và "Trộm cắp tài sản"; bị cáo K và bị cáo T đã vi phạm về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

[2] Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo C, A, K; Kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc xin được hưởng án treo của bị cáo T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Hội đồng xét xử xét thấy.

- Khi các bị cáo C và A bị bắt giữ về tội cướp tài sản, bị cáo C và A đã tự nguyện khai ra hành vi trộm cắp tài sản trước đó, và bị cáo C đã khai ra hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đây là tình tiết người phạm tội tự thú quy định tại điểm r, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết này để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo đối với tội trộm cắp tài sản và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là thiếu sót. Do đó, việc các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình hình phạt là có căn cứ chấp nhận. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp kháng nghị đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo C và bị cáo A về tội cướp tài sản là chưa phù hợp. Bởi lẽ, trong quá trình điều tra bị cáo C, bị cáo A về tội cướp tài sản thì bị cáo C và bị cáo A tự thú về hành vi trộm cắp tài sản của bị hại Nguyễn Thanh H. Đồng thời, bị cáo C còn tự thú có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại Phạm Thị Hồng T4 nên cơ quan điều tra Công an huyện L có quyết định khởi tố để điều tra bổ sung về 02 tội này. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm r, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để

giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo C và bị cáo A đối với tội trộm cắp tài sản và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp về phần giảm nhẹ hình phạt như nhận định nêu trên.

- Đối với đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho cáo A là phù hợp nên chấp nhận.

- Đối với bị cáo K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi lượng hình bị cáo, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử là phù hợp. Trong thời gian Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nộp bổ sung 10.000.000 đồng tiền khắc phục hậu tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Tuy nhiên, theo quyết định của bản án hình sự sơ thẩm thì bị cáo không phải thi hành về trách nhiệm dân sự, do đó việc bị cáo nộp 10.000.000 đồng không được xem là tình tiết bồi thường khắc phục hậu quả. Do bị cáo không phải thi hành về trách nhiệm dân sự nên trả lại cho bị cáo số tiền này. Do đó, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới để Hội đồng xét xử xem xét nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo K.

- Đối với yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo T, Hội đồng xét xử xét thấy: bị cáo T có các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự chuộc lại xe để trả cho bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại giai đoạn phúc thẩm bị hại Nguyễn Văn T1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T; Bị cáo T cung cấp sổ hộ nghèo và xác nhận bị cáo thuộc gia đình khó khăn và là lao động duy nhất. Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo, Điều 2 của Nghị quyết quy định điều kiện cho người bị kết án phạt tù được hưởng án treo khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Bị xử phạt tù không quá 03 năm;

2. Có nhân thân tốt;

3. Có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên, trong đó có ít nhất 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

4. Có nơi cư trú rõ ràng hoặc nơi làm việc ổn định để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục;

5. Xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù nếu người phạm tội có khả năng tự cải tạo và việc cho họ được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Xét thấy bị cáo T đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo T.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của các bị cáo C, bị cáo A, bị cáo T là có căn cứ nên chấp nhận; kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp có căn cứ một phần nên chấp nhận một phần; Đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo A là có căn cứ nên chấp nhận; Yêu cầu kháng cáo của bị cáo K là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[3] Do chấp nhận kháng cáo của bị cáo C, bị cáo A, bị cáo T và một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp nên sửa bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo C, A, T. Giữ nguyên quyết định về phần hình phạt đối với bị cáo K.

[6] Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo C, A, T được chấp nhận nên các bị cáo C, A, T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, yêu cầu kháng cáo của bị cáo K không được chấp nhận nên bị cáo K phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo C và bị cáo A;

Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo T;

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo K;

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp về giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo C và bị cáo A;

Sửa Quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo C, A và T; giữ nguyên hình phạt đối bị cáo K.

1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 174; điểm s, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 55 và Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo C phạm các tội "Cướp tài sản", "Trộm cắp tài sản" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Xử phạt bị cáo C - 09 (chín) năm tù về tội "Cướp tài sản"; 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt của 03 tội mà bị cáo C phải chấp hành là 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 27/12/2018.

2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; khoản 1 Điều 173; điểm b, s, r, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 và Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo A phạm các tội "Cướp tài sản" và "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo A - 07 (bãy) năm tù về tội "Cướp tài sản" và 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt của 02 tội mà bị cáo A phải chấp hành là 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 27/12/2018.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo K phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Xử phạt bị cáo K 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 27/12/2018 đến ngày 05/01/2019.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo T phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Xử phạt bị cáo T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án ngày 01/11/2019.

Giao bị cáo T cho Ủy ban Nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp Ủy ban Nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, bị cáo T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Các phần khác của quyết định bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí phúc thẩm:

Các bị cáo C, A, T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm;

Bị cáo K phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Về xử lý tiền khắc phục hậu quả: Trả lại cho bị cáo K 10.000.000 đồng theo biên lai thu số 06518 ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND Tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND – VKSND huyện L;
- Chi cục thi hành án huyện L;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện L;
- Trại Tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- UBND xã H, huyện L;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Trãi).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Hồng Nước